TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH MIỆN** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 06/2022/QĐST-HNGĐ	*Thanh Miện, ngày 15 tháng 6 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu huỷ kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN, TỈNH HẢI DƯƠNG

***Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên họp: Ông **Lại Anh Vân**.

Thư ký phiên họp: Ông **Nguyễn Văn Hùng** -Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp: Bà **An Thị Hà Trang** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương tiến hành mở phiên họp công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 06/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2022 về việc "Yêu cầu huỷ kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 06/2022/QĐST-VDS ngày 06 tháng 6 năm 2022, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu: **UBND xã H, huyện T, tỉnh H.**

Người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu: Ông **Nguyễn Văn T** - Chủ tịch UBND xã H.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh **Đinh Văn N**, sinh ngày 21/5/1977 và chị **Vũ Thị L**, sinh ngày 01/5/1977. ĐKHKTT đều ở: Thôn A, xã H, huyện T, tỉnh H.

Các đương sự đều vắng mặt có đơn đề nghị vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Qua quá trình kiểm tra lý lịch các tài liệu lưu trữ tại UBND xã H và đề nghị của công dân. UBND xã H phát hiện trường hợp anh Đinh Văn N, sinh ngày 21/5/1977 và chị Vũ Thị L, sinh ngày 01/5/1977, có ĐKHKTT tại thôn A1 (nay là thôn A), xã H, huyện T, tỉnh H, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H ngày 25/3/1996 là trái pháp luật. Căn cứ theo các giấy tờ, tài liệu chính gồm: Căn cước công dân; giấy khai sinh, sổ hộ khẩu gia đình và một số giấy tờ tùy thân khác (Bằng tốt nghiệp phổ thông cơ sở và phổ thông trung học) của anh N xác định anh N sinh ngày 21/5/1977, tuy nhiên ngày 25/3/1996, anh N tiến hành đăng ký kết hôn với chị Vũ Thị L, khi đó anh N vẫn còn thiếu **59 ngày** mới đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 5 Luật Hôn nhân gia đình năm 1986: *"Nam từ 20 tuổi trở lên, Nữ từ 18 tuổi trở lên"*. Sau đó, khi đến làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã H, anh N và chị L đã thống nhất khai tăng tuổi

anh N từ 1977 thành 1975, đồng thời việc kiểm tra lý lịch của cán bộ tư pháp thời điểm đó còn chưa chính xác nên đã đăng ký kết hôn cho anh N, chị L và ghi trong giấy chứng nhận kết hôn thể hiện chị Vũ Thị L, sinh năm 1977 và anh Đinh Văn N, sinh năm 1975. UBND xã H nhận thấy việc đăng ký kết hôn trên của anh N và chị L là trái pháp luật. Việc kết hôn trái pháp luật đã gây ra cho anh N và chị L nhiều vấn đề khó khăn trong quá trình sinh sống và ảnh hưởng đến việc học hành, thi cử đối với các con của anh chị khi các tài liệu hồ sơ, giấy tờ tùy thân của 02 vợ chồng và các con của anh chị không khớp với nhau. Hiện tại anh N và chị L vẫn chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì và có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn A, xã H, huyện T, tỉnh H. Vì vậy UBND xã H đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện hủy việc kết hôn trái pháp luật (kèm chứng nhận kết hôn của UBND xã H cấp cho anh N và chị L ngày 25/3/1996). Bên cạnh đó, nếu anh N và chị L có yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn thì đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện tạo điều kiện để công nhận quan hệ hôn nhân cho anh chị.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh N, chị L trình bày: Anh chị được tự do, tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H ngày 25/3/1996. Tuy nhiên, tại thời điểm đi đăng ký kết hôn, anh N chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn (anh N sinh ngày 21/5/1977 nên còn thiếu 59 ngày mới đủ tuổi đăng ký kết hôn theo Luật HNGĐ 1986). Do vậy, khi đến UBND xã H làm thủ tục đăng ký kết hôn, vợ chồng anh chị thống nhất tự khai tăng tuổi anh N từ 1977 thành sinh năm 1975 để có thể đủ tuổi đăng ký kết hôn và cũng vì nguyện vọng và mong muốn của gia đình để có thể đăng ký kết hôn được hợp pháp. Sau đó, UBND xã H đã đăng ký kết hôn cho anh chị tại Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 09 ngày 25/3/1996, thể hiện Đinh Văn N, sinh năm 1975 và Vũ Thị L, sinh năm 1977. Kể từ thời điểm đăng ký kết hôn cho đến nay, vợ chồng anh chị về tổ chức cuộc sống chung hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì và đã sinh được 02 con chung là Đinh Xuân L1, sinh ngày 16/5/1998 và Đinh Thị Thu L2, sinh ngày 07/10/2001. Vì vậy, vợ chồng anh chị cùng thống nhất đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương công nhận quan hệ hôn nhân của vợ chồng anh chị kể từ thời điểm vợ chồng anh chị đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Văn D - Chủ tịch UBND xã H thời điểm năm 1996 là người trực tiếp đăng ký kết hôn cho anh N, chị L thừa nhận do việc kiểm tra giấy tờ tùy thân không kỹ và tin tưởng theo lời khai của anh N, chị L nên đã tiến hành đăng ký kết hôn cho anh chị vào ngày 25/3/1996.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện tham gia phiên họp phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp và thư ký phiên họp kể từ khi thụ lý vụ việc dân sự cho đến trước thời điểm Thẩm phán ra quyết định giải quyết việc dân sự là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý việc dân sự cho đến trước thời điểm Thẩm phán ra

quyết định giải quyết việc dân sự là đúng quy định. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện áp dụng: Khoản 6 Điều 3, Điều 8, 10, 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối Cao, Viện Kiểm sát nhân dân Tối Cao, Bộ Tư Pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

+ Không chấp nhận đơn yêu cầu của UBND xã H, huyện T, tỉnh H.

+ Công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Đinh Văn N, sinh ngày 21/5/1977 và chị Vũ Thị L, sinh ngày 01/5/1977, tại thời điểm anh chị đủ điều kiện đủ điều kiện kết hôn.

+ Về lệ phí: Anh Đinh Văn N và chị Vũ Thị L phải chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; Ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Đinh Văn N và chị Vũ Thị L đều cư trú và sinh sống tại thôn A1 (nay là thôn A), xã H và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H. Qua kiểm tra, UBND xã H phát hiện trường hợp anh N và chị L kết hôn trái pháp luật nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện hủy việc kết hôn trái pháp luật (kèm giấy chứng nhận đăng ký kết hôn của anh N và chị L năm 1996), đồng thời trong quá trình giải quyết, anh N và chị L đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện công nhận quan hệ hôn nhân kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn. Căn cứ Điều 10, Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, việc Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện thụ lý vụ việc là đúng thẩm quyền.

[2] Về tố tụng: Người yêu cầu là UBND xã H; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh N và chị L vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên họp là phù hợp với quy định tại khoản 2, 3 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên họp vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật của UBND xã H và yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân của anh N, chị L kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn là có căn cứ chấp nhận.

Căn cứ theo các giấy tờ, tài liệu chính gồm: Căn cước công dân, sổ hộ khẩu gia đình, giấy khai sinh và một số giấy tờ tùy thân khác đều xác định anh Đinh Văn N sinh ngày 21/5/1977 nhưng đến ngày 25/3/1996 đã tiến hành đăng ký kết hôn với chị Vũ Thị L, sinh ngày 01/5/1977. Khi đó anh N còn thiếu 59 ngày mới đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 5 Luật Hôn nhân gia đình năm 1986: *"Nam từ 20 tuổi trở lên, Nữ từ 18 tuổi trở lên"*. Vì anh N chưa

đủ tuổi đăng ký kết hôn nên anh N và chị L đã thống nhất tự khai tăng tuổi của anh N từ 1977 thành sinh năm 1975 để anh N có thể đủ tuổi đăng ký kết hôn. Bên cạnh đó, do sơ suất trong việc kiểm tra lý lịch công dân nên cán bộ đăng ký kết hôn thời điểm đó đã tiến hành đăng ký kết hôn cho anh N và chị L, thể hiện tại Giấy chứng nhận kết hôn số 09 ngày 25/3/1996 ghi họ tên vợ Vũ Thị L, sinh năm 1977 và họ tên chồng Đinh Văn N, sinh năm 1975. Việc kết hôn đó đã vi phạm vào Điều 5 Luật Hôn nhân gia đình năm 1986 và là kết hôn trái pháp luật. Do vậy UBND xã H có đơn yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật là có căn cứ chấp nhận theo Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Khoản 6 Điều 3, Điều 8, 10, 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Sau khi kết hôn anh N và chị L đã chung sống hạnh phúc và sinh được 02 con chung là Đinh Xuân L1, sinh ngày 16/5/1998 và Đinh Thị Thu L2, sinh ngày 07/10/2001. Quá trình chung sống, anh N và chị L không có mâu thuẫn gì và đều thống nhất đề nghị công nhận quan hệ hôn nhân cho anh chị kể từ thời điểm đủ điều kiện theo quy định của pháp luật. Yêu cầu công nhận hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối Cao, Viện Kiểm sát nhân dân Tối Cao, Bộ Tư Pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Do đó, không cần hủy việc kết hôn trái pháp luật mà công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Đinh Văn N và chị Vũ Thị L kể từ thời điểm anh chị đủ điều kiện kết hôn là ngày **21/5/1997**.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự:

- UBND xã H, huyện T, tỉnh H không phải nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự;

- Anh N và chị L có đơn yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn nên phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Khoản 6 Điều 3, Điều 8, 10, 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 149, 367, 370, 371 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2016; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu của UBND xã H, huyện T, tỉnh H về việc yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của anh Đinh Văn N và chị Vũ Thị L.

Chấp nhận yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân của anh Đinh Văn N và chị Vũ Thị L.

2. Công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh **Đinh Văn N**, sinh ngày 21/5/1977 và chị **Vũ Thị L**, sinh ngày 01/5/1977; ĐKHKTT và nơi cư trú đều ở: Thôn A, xã H, huyện T, tỉnh H kể từ thời điểm hai bên đủ điều kiện kết hôn (*Kể từ ngày **21** tháng **5** năm **1997***).

3. Về lệ phí:

- UBND xã H, huyện T, tỉnh H không phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

- Anh Đinh Văn N và chị Vũ Thị L phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng, được đối trừ vào tiền tạm ứng lệ phí anh N, chị L đã nộp theo biên lai số: AA/2020/0004196 ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

4. Quyền kháng cáo: UBND xã H; anh N và chị L có quyền kháng cáo Quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định hoặc Quyết định được niêm yết; Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra Quyết định; Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong hạn 15 ngày kể từ ngày ra Quyết định.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thanh Miện;
- UBND xã H;
- Chi Cục THADS huyện Thanh Miện;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN HỌP

Lại Anh Vân